TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/ HNGĐ - ST
Ngày: 31-01-2018
V/v ly hôn giữa chị Y và anh D

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN VỤ BẢN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán chủ toạ phiên toà*: Bà Bùi Thị Gấm.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Hoàng Quốc Mậu

2. Ông Nguyễn Văn Thể

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân Hện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện V tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thị Thu Hiên – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Hện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2017/TLST - HNGĐ ngày 30/10/2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/01/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đỗ Thị Y; sinh năm 1986; ĐKHKTT tại: Thôn Lương Mỹ, xã Hợp Hưng, Huyện V, tỉnh Nam Định; Nơi ở hiện nay: Thôn Vàng, xã Hợp Hưng, Huyện V, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn D; sinh năm 1981; ĐKHKTT (nơi ở) tại: Thôn Lương Mỹ, xã Hợp Hưng, Huyện V, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt anh D, chị Đỗ Thị Y có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải, nguyên đơn là chị Đỗ Thị Y trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Hưng, huyện V vào ngày 09/8/2004.

- Về quan hệ tình cảm: Sau ngày cưới cuộc sống chung của anh chị hòa thuận được 01 năm đầu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh D thường xuyên say rượu, đánh đập chị. Chị đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và viết đơn xin ly hôn nhưng anh D xin lỗi, hứa sẽ thay đổi. Vì thương con nên chị đã cho anh D nhiều cơ hội thay đổi bản thân để vợ chồng cùng làm ăn, nuôi dạy con nhưng anh D vẫn không thay đổi. Chị rất sợ khi phải tiếp tục chung sống với anh D. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng nên chị không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với anh D được nữa do đó chị xin được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 03 con chung là các cháu Trần Tiến Q, sinh ngày 24-6-2003, Trần Thị Mỹ A, sinh ngày 28-7-2006, Trần Tiến H, sinh ngày 02/01/2014. Hiện nay cháu A và cháu H đang sinh sống cùng chị, cháu Q sinh sống cùng anh D. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu A và cháu H, để anh D nuôi dưỡng cháu Q. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản, công nợ và những vấn đề khác liên quan: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải, bị đơn là anh Trần Văn D trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị Y tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Hưng, Hện V vào ngày 09-8-2004.

- Về quan hệ tình cảm: Theo anh D cuộc sống gia đình anh và chị Y vẫn bình thường và luôn hạnh phúc từ sau ngày cưới đến thời điểm này. Bản thân anh có uống rượu vào đánh chị Y nhưng việc này có thể thay đổi được nếu chị Y cho anh cơ hội nữa. Vì vậy anh mong chị Y cho anh thêm cơ hội để anh sửa đổi, anh mong muốn chị Y quay về để gia đình đoàn tụ, nuôi dạy con cái, anh không đồng ý ly hôn với chị Y.

- Về con chung: Anh chị có 03 con chung là các cháu Trần Tiến Q – sinh ngày 24-6-2003, Trần Thị Mỹ A – sinh ngày 28-7-2006, Trần Tiến H – sinh ngày 02-01-2014. Hiện nay cháu Q đang sinh sống cùng anh; cháu A và cháu H sinh sống cùng chị Y. Vì lý do anh không đồng ý ly hôn nên anh không có nguyện vọng gì về các con, theo anh các con phải sống cùng cả cha và mẹ.

- Về tài sản, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Anh không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tại phiên tòa, anh Trần Văn D trình bày, quá trình chung sống, chị Y đã vài lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, sau đó anh có lên đưa chị Y về. Từ ngày chị Y đi vào

Miền nam đến nay anh đã đón cháu H về ở cùng anh. Nguyện vọng của anh vẫn không đồng ý ly hôn và các con vẫn phải chung sống với cả bố và mẹ, anh sẽ nuôi cả 3 con chung, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con. Cháu Trần Tiến Q trình bày từ ngày chị Y đi miền nam đến nay cháu và cháu H đang ở cùng với bố, nguyện vọng của cháu muốn được ở với anh D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Đỗ Thị Y và anh Trần Văn D.

+ Về con chung: Giao cháu Trần Thị Mỹ A, sinh ngày 28-7-2006 cho chị Y trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu A thành niên, có khả năng lao động tự lập được; Giao cháu Trần Tiến Q, sinh ngày 24-6-2003 và cháu Trần Tiến H, sinh ngày 02-01-2014 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu Q, cháu H thành niên, có khả năng lao động tự lập được. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

+ Về tài sản, công nợ và các nội dung khác: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Y phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đỗ Thị Y và anh Trần Văn D đều có hộ khẩu thường trú tại xã Hợp Hưng, Hện V, tỉnh Nam Định do đó căn cứ Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Hện V, tỉnh Nam Định giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Đỗ Thị Y vắng mặt tại phiên tòa nhưng chị đã có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Y và anh Trần Văn D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Hưng, Hện V vào ngày

09/8/2004. Như vậy cuộc hôn nhân của chị Y và anh D là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ tình cảm: Chị Đỗ Thị Y và anh Trần Văn D đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là do anh D thường hay uống rượu về đánh chửi chị Y. Chị Y đã cho anh D nhiều cơ hội để thay đổi bản thân, sửa chữa nhưng anh D không thay đổi. Như vậy trong thời gian vợ chồng chung sống chị Y và anh D không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng nhau, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không gìn giữ, bảo vệ hạnh phúc gia đình dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, việc này trái với quy định tại Điều 19, Điều 21 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Y và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Y, xử cho chị Y được ly hôn với anh D là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Chị Y và anh D có 03 con chung là các cháu Trần Tiến Q, sinh ngày 24-6-2003, Trần Thị Mỹ A, sinh ngày 28-7-2006, Trần Tiến H, sinh ngày 02-01-2014. Hiện nay cháu A đang ở cùng chị Y; cháu Q, cháu H đang ở cùng anh D. Ly hôn chị Y có nguyện vọng được nhận nuôi cháu A và cháu H, để anh D nuôi cháu Q. Anh D có quan điểm các con vẫn phải chung sống với cả bố và mẹ, anh sẽ nuôi cả 3 con chung, không yêu cầu gì chị Y về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Y và anh D đều có sức khỏe, có công việc và có thu nhập vì vậy các bên đều có đủ điều kiện nuôi dưỡng các con. Hiện nay cháu Q, cháu H đang ở cùng anh D, cháu A đang ở cùng chị Y do đó sẽ giao cháu A cho chị Y trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Q và cháu H cho anh D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của các cháu cũng như phù hợp với quy định tại Điều 58; Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không buộc các bên phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[6] Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Y phải nộp theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Xử ly hôn giữa chị Đỗ Thị Y và anh Trần Văn D.

2. Về con chung:

+ Giao cháu Trần Thị Mỹ A, sinh ngày 28-7-2006 cho chị Y trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi cháu A thành niên, có khả năng lao động tự lập được (cháu A hiện nay đang sống cùng chị Y).

+ Giao cháu Trần Tiến Q, sinh ngày 24-6-2003 và cháu Trần Tiến H, sinh ngày 02-01-2014 cho anh D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi cháu Q, cháu H thành niên, có khả năng lao động tự lập được (hiện nay cháu Q và cháu H đang sinh sống cùng anh D).

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Chị Y, anh D có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của nhau.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Y phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*. Chị Y đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số BB/2012/09707 ngày 30-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện V được đối trừ.

Anh Trần Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Đỗ Thị Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND Huyện V;
- Chi cục THADS Huyện V;
- UBND xã Hợp Hưng;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Gấm